

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quân, ông Trần Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Mai Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị M, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021, bản tự khai ngày 19/4/2021, nguyên đơn anh Mai Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/01/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con: Vợ chồng có một con chung là Mai Phương T sinh ngày 07/5/2010. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/4/2021, bị đơn chị Đinh Thị M trình bày:

Chị và anh Mai Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/01/2009 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi cọ nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, hai người có liên lạc gặp gỡ để nín kéo tình cảm nhưng không được. Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng, nên chị không đồng ý ly hôn anh T.

Về con: Vợ chồng có một con chung là Mai Phương T sinh ngày 07/5/2010. Nếu phải ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị M vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất hai bên đương sự đều vắng mặt (anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị M vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị M.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, còn bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh Mai Văn T, cho anh T được ly hôn chị M; về con: giao cháu Mai Phương T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục tố tụng: Anh Mai Văn T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Đinh Thị

M. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn Mai Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn Đinh Thị M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T và chị M.

*** Về nội dung giải quyết:**

[1] Về hôn nhân: Anh Mai Văn T và chị Đinh Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi cọ nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị M trình bày là mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng, nên không đồng ý ly hôn, tuy nhiên chị M lại không tham gia phiên hòa giải, chứng tỏ chị M cũng không có thiện chí để níu kéo cuộc hôn nhân của vợ chồng. Cả hai lần mở phiên tòa, chị M đều vắng mặt, còn anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn chị M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có một con chung là Mai Phương Th sinh ngày 07/5/2010. Cả hai bên đều đề nghị được trực tiếp nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu T đang ở với bố và bà nội, nguyện vọng của cháu là được ở với bố. Do đó HĐXX xét thấy cần giao cháu Mai Phương T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Anh T và chị M đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh Mai Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Mai Văn T, cho anh T được ly hôn chị Đinh Thị M.

2. Về con: Giao cháu Mai Phương T sinh ngày 07/5/2010 cho anh Mai Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đinh Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu. Chị M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Mai Văn T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0011017 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, anh T đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã T, huyện
N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

